

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN NHƠN TRẠCH** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
**TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2024.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Quốc Hoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Điệp.

Bà Dương Thị Thuý Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 374/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1148/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1969.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Số G khu tái định cư, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: Toà nhà A, số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Đường T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn D – Phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N chi nhánh N1 - Nam Đ.

(Quyết định uỷ quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/11/2022)

(Ông T1 có mặt ; bà T và đại diện Ngân hàng N vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc T1 tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 1991, có tổ chức đám cưới hai bên gia đình, nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do ông T1 nhiều lần có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ, vợ chồng cũng thường xuyên mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Cách đây khoảng gần 10 tháng thì ông T1 có lấy xăng đổ lên người bà và ông, đồng thời đe dọa sẽ châm lửa để cả hai cùng chết, nhưng nhờ có con trai can ngăn nên ông T1 mới dừng lại. Quá trình sống chung ông T1 cũng nhiều lần đánh đập và hành hạ bà. Bà cũng làm đơn xin ly hôn nhiều lần nhưng ông T1 đe dọa nên bà rút đơn về. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có hai con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1993 và Nguyễn Hoàng T2, sinh năm 1995. Hiện các con chung đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Bà T khai có nợ Ngân hàng N số tiền 700.000.000 đồng.

*Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 1991, nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. thỉnh thoảng vợ chồng có nói chuyện to tiếng qua lại với nhau. Ông không cặp bồ cũng như không đánh đập, hành hạ bà T như lời trình bày của nguyên đơn. Ông thừa nhận có lần đổ xăng lên người mình và bà T nhưng để hù dọa chứ không có ý định đốt như lời trình bày của bà T, sự việc này xảy ra cũng đã lâu rồi, sau đó vợ chồng vẫn sống chung bình thường với nhau. Việc bà T nộp đơn ly hôn là do ông và anh trai bà T có mâu thuẫn với nhau, chứ vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì lớn. Ông T1 xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có hai con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1993 và Nguyễn Hoàng T2, sinh năm 1995, hiện cả hai đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng N số tiền 700.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N có ý kiến trình bày: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Ngọc T1 có vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh huyện N1 - Nam Đ theo hợp đồng tín dụng số 5908-LAV-202300147 ký ngày*

13/01/2023 với hạn mức tín dụng là 700.000.000 đồng và dự nợ đến thời điểm ngày 25/12/2023 là 700.000.000 đồng. Đồng thời có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CR 201469 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ T và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CR 201470 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ T. Hiện tại, ông T1 và bà T đang thực hiện đúng các thoả thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng cũng đã làm việc với ông T1 và bà T và họ đã làm cam kết ngày 19/5/2024 thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng N không yêu cầu giải quyết khoản nợ của họ trong vụ án này, nếu đến ngày 19/05/2024 bà T và ông T1 không trả hết nợ gốc và lãi thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Đồng thời Ngân hàng N cũng có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc và phiên xét xử của Tòa án.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Ngọc T1 có nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T1. Đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/2006 ngày 16 tháng 3 năm

2006 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống, bà T và ông T1 có những mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông T1 cũng thừa nhận có việc vợ chồng cãi nhau và ông cũng từng đồ xăng lên cả ông và bà T để hù dọa bà T, hiện cả hai đã ly thân không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện để bà T và ông Trung đoàn t chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông T1 có hai con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1993 và Nguyễn Hoàng T2, sinh năm 1995, hiện các con chung đã trưởng thành có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai có nợ Ngân hàng N số tiền 700.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng N có ý kiến trình bày: Hiện ông T1 và bà T đang nợ Ngân hàng số tiền 700.000.000 đồng và họ đang thực hiện việc trả nợ đầy đủ, nên Ngân hàng không có yêu cầu giải quyết nợ chung của ông bà trong vụ án này. Trường hợp ông T1 và bà T không thực hiện việc trả nợ theo quy định thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác, đồng thời có đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung của bà T và ông T1.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát huyện N phù hợp chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

*Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với ông Nguyễn Ngọc T1 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Cho bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn ông Nguyễn Ngọc T1.

*Về con chung:* Đã trưởng thành.

*Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

*Về nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001937 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Bà Nguyễn Thị Mỹ T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS ND huyện Nhơn Trạch;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã (phường) nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Quốc Hoàn**